

HAI BÀI THƠ HUYẾT LỆ CỦA QUAN THƯỢNG ĐẲNG ĐẠI THẦN NGUYỄN TRUNG TRỰC

VĨNH LIÊM

Nhân coi Youtube của Cư sĩ Đặng Thành Quý, chúng tôi được biết Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực có làm 2 bài thơ trước khi Ngài ra nạp mình cho quân Pháp. Một bài thơ (thể Song Thất Lục Bát) gởi cho Mẹ để báo tin cho Mẹ biết vì chữ Hiếu (cứu Mẹ) nên Ngài phải ra nạp mình cho quân Pháp để Mẹ được tự do (Pháp thả bà ra). Bài thơ thứ 2 (thơ 8 chữ) viết gởi cho quân Pháp, Ngài nêu ra ý định tự nạp mình cho quân Pháp để cứu bà Mẹ, tức được quân Pháp thả ra (trả tự do).

Anh hùng Nguyễn Trung Trực là một người trung hiếu vẹn toàn. Hai chiến công lớn của Ngài: Đốt cháy tàu L'Esperance của quân Pháp năm 1861 tại Nhật Tảo, xã An Nhứt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Và đánh úp đồn Kiên Giang năm 1868 đã làm cho Thực dân Pháp khiếp sợ.



*Chân dung Đức Nguyễn Trung Trực trong đền thờ
tại Phú Quốc, Việt Nam.*

Trước khi nói về 2 bài thơ của Ngài, chúng ta nên tìm hiểu tiểu sử của Ngài. Nguyễn Trung Trực sinh năm 1838 tại Gia Định. Ông tên thật là Nguyễn Văn Lịch, tự Chơn. Ông học văn võ tại Bảo Định, Định Tường. Năm 1860, ông đầu

quân dưới trướng nhà cách mạng Trương Công Định. Năm 1861 ông chỉ huy đốt cháy tàu L'Espérance của Pháp tại Nhật Tảo (Long An). Năm 1868, Nguyễn Trung Trực đánh úp đồn Kiên Giang (Rạch Giá), nghĩa quân chiếm được đồn. Cuối năm 1868, Pháp phản công, ông phải lui quân về Hòn Chông (Kiên Lương, Kiên Giang) rồi ra đảo Phú Quốc, lập chiến khu tại Cửa Cạn nhằm kinh chống đối phương lâu dài. Vợ ông là Bà Điều, vừa sanh con xong, liền chỉ huy một cánh binh ở sông Cửa Cạn, khi quân Pháp vây đánh, bà bị thương nên qua đời. Lúc đó đứa con trai vừa mới ra đời được Nguyễn Trung Trực đem giấu kín ở Ghềnh Dầu để ông rảnh tay kháng chiến chống quân Pháp, khi ông trở lại tìm con thì đứa bé bị mất tích. (Ghi chú của Vĩnh Liêm: Có nguồn tin cho rằng “vợ ông bị bệnh hậu sản nên qua đời; đứa con không sữa nên đã chết”. Chúng tôi không rõ hư thực như thế nào nên không dám lạm bàn). Trong lúc đó, Nghĩa quân bị quân Pháp bao vây nên cạn kiệt lương thực. Pháp đã bắt mẹ của ông để uy hiếp tinh thần. Vì lòng hiếu thảo, Nguyễn Trung Trực tự ra nộp mình cho người Pháp để bảo toàn lực lượng không bị Pháp trả thù; đồng thời để Mẹ được Pháp trả tự do.

Trong bài thơ gởi Mẹ, có đoạn ông bày tỏ như sau:

*Nay con đã chọn đường cứu Mẹ,
Nương án binh về phía Kiên Giang.
Nạp mình chẳng phải đầu hàng,
Cứu nguy từ mẫu, gian nan chẳng cần.*

Hai chiến công nổi bật của anh hùng Nguyễn Trung Trực đã được danh sĩ Huỳnh Mẫn Đạt khen ngợi bằng hai câu thơ sau:

*Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạc Kiên Giang khắp quĩ thân.*

Thái Bạch dịch:

*Lửa bùng Nhựt Tảo râm trời đất
Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quĩ thân.*

Trong bài thơ gởi cho quân Pháp, có đoạn ông bày tỏ lòng cương quyết như sau:

*Ta tự nạp là trả xong mối nợ,
Hiếu cùng trung cho rạng rỡ nam nhi.
Giết hay tha ta chẳng xá chi,
Miễn trọn đạo vẹn niềm cùng Tổ quốc.*

Và ông cũng có lời khuyên quân Pháp hãy đối xử với đám tàn binh của ông một cách nhân đạo:

Nguyễn Trung Trực quân gì còn hay mất,

*Xin Pháp quân thành thật mấy lời van.
Đám tàn binh nơi qui tụ mấy chục ngàn,
Đừng sanh sát rất oan người lương thiện.*

Nhà cách mạng Nguyễn Trung Trực bị quân Pháp xử tử bằng cách hành quyết (chặt đầu) ngày 27 tháng 10 năm 1868 (nhằm ngày 12 tháng 9 âm lịch năm Mậu Thìn) tại pháp trường Rạch Giá. Ông hưởng dương 31 tuổi.

Trước khi ra pháp trường, anh hùng Nguyễn Trung Trực ngâm bài thơ do chính Ngài sáng tác. Bài thơ như sau:

*Thư kiếm từng nhung tự thiếu niên,
Yêu gian đàm khí hữu long tuyền,
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa.
Bảo hận thâm cừu bất đãi thiên.*

Thi sĩ Đông Hồ dịch:

*Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài.
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chang chang chẳng đợi trời.*

Tại pháp trường, trước khi đầu rơi khỏi cổ, anh hùng Nguyễn Trung Trực đồng dạt hô lớn rằng: “Bao giờ Tây nhớ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây”.

Sau cái chết của anh hùng Nguyễn Trung Trực, vua Tu Đức bèn sai hoàng giáp Lê Khắc Cần làm lễ truy điệu, đọc bài điệu văn với chính bút ngữ rằng:

*Ký bi ngư nhân
Hùng tại quốc sĩ
Hỏa Nhật Tảo thuyền
Đồ Kiên Giang lũy
Địch khái đông cừu
Thân tiên tự tử
Hiệu khí cổ kim
Thử nhân nam tư
Xích huyết hoàng sa
Ô hô dĩ hi
Huyết thực thiên thu
Chương nhữ trung nghĩa.*

Thái Bạch dịch:

Giới thay người chài

Mạnh thay quốc sĩ
 Đốt thuyền Nhật Tảo,
 Phá lũy Kiên Giang.
 Thù nước chưa xong
 Thân sao đã mất
 Hiệu khí xưa nay
 Người nam tử ấy
 Máu đỏ, cát vàng
 Hỡi ơi thôi vậy
 Ngàn năm hương khói,
 Trung nghĩa còn đây.

Chính vua Tự Đức đã sắc phong ông Nguyễn Trung Trực làm Thượng Đẳng Linh Thần, thờ tại làng Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá nơi ông đã hiên ngang thà chịu chết chứ không chịu đầu hàng Pháp. Tiếp theo, Phật Giáo Hòa Hảo đã phong ông thành Quan Thượng Đẳng Đại Thần, và tên ông được đặt thành Lực Lượng Nguyễn Trung Trực thuộc Dân Xã Đảng (tức Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng).



Một khẩu đại bác loại nhỏ, thô sơ của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực.

Nhà cách mạng Huỳnh Mẫn Đạt có bài thơ Điều Nguyễn Trung Trực 吊阮忠直 như sau:

吊阮忠直

勝負戎場不足論，
頽波砥柱憶漁民。
火紅日早轟天地，
劍白堅江泣鬼神。
一旦非常標節義，
兩全無畏報君親。
英雄強脛芳名壽，
羞殺低頭未死人。

(Tho Huỳnh Mãn Đạt)

Điều Nguyễn Trung Trực

Thắng phụ hung trường bất túc luân,
Đôi ba để trụ ức ngư dân.
Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạch Kiên Giang khắp quý thần.
Nhất đán phi thường tiêu tiết nghĩa,
Lưỡng toàn vô úy báo quân thân.
Anh hùng cường cảnh phương danh thọ,
Tu sát đề đầu vị tử nhân.

Bản dịch của Cử Tạ:

Thắng bại chi bàn việc tướng quân,
Người chài trụ đá khúc gian truân.
Lửa bùng Nhật Tảo rêm trời đất,
Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quý thần.
Một sớm nhẹ mình nêu tiết nghĩa,
Đôi đường trọn chữ báo quân thân.
Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi,
Lũ sống khom lưng chết thẹn dân.



Mảnh ván tàu L'Espérance, được trưng bày tại đền thờ chính.

Sau đây kính mời quý vị thưởng thức 2 bài thơ huyết lệ (tuyệt mệnh) của Đức Nguyễn Trung Trực. Đây là tài liệu lịch sử rất quý báu nhưng không thấy Cư sĩ Đặng Thành Quý nêu rõ nơi xuất xứ hai bài Thơ của Đức Nguyễn Trung Trực.

Bài thơ thứ nhất:

THO GỎI MẸ

Thân trai đứng giữa côi trần,
 Sống làm Tướng Việt, thác Thần nước Nam.
 Đảo Phú Quốc được thư Hiên mẫu,
 Huyết hận cừu nung nấu tâm can.
 Đọc thư lụy nhỏ đôi hàng,
 Từ đây gánh nặng giang san phải rồi.
 Con gây tội, Mẹ ngồi ngục thất,
 Thật con là đứa bất hiếu nhi.
 Xét ra con rất vô nghì,
 Toàn trung thất hiếu thị phi muôn đời.
 Nơi cơn đảo giữa trời biển cả,
 Chí phục thù nào xá hiểm nguy.
 Nào hay vận nước suy vi,
 Trở sanh một lũ gian phi gây loạn.
 Chúng theo Pháp phũ phàng Tổ quốc,
 Cũng vì mê vật chất vẩn minh.

Huy chương, tước trọng rất vinh,
 Buôn dân bán nước, phụ tình giang san.
 Con thề chẳng đầu hàng quân giặc,
 Dầu lâm nguy, dạ sắt chẳng sờn.
 Trung thần lấy thác làm hơn,
 Nguyễn đem xương máu đáp ơn nước nhà.
 Nơi Nhật Tảo máu pha súng đạn,
 Chôn Kiên Giang kiếm bạc vấy vùng.
 Miên Tây vang tiếng anh hùng,
 Dầu con kém sức quyết vung gươm thần.
 Kìa đất nước là ân phải trả,
 Ân Tổ tiên con há quên sao?
 Lắm phen gươm nhuộm máu đào,
 Cũng vì Tổ quốc, đông bào lâm nguy.
 Bọn giặc biết con tuy túng thế,
 Nhưng đủ đây mưu kế đấu tranh.
 Muốn cho công việc mau thành,
 Việt gian thiết kế cấm sanh mẹ già.
 Rất khó xử thù nhà nợ nước,
 Phận của con khó được vẹn ngay.
 Dầu cho con đủ trí tài,
 Hiếu nhi là phận khó phai lòng vàng.
 Thừa Mẹ!
 Thân sanh bách hạnh hiếu nghĩa vì tiên!
 Sách thánh hiền chép biên tỏ rõ,
 Không thể nào con bỏ Mẹ hiền!
 Hay đền thân nợ thung quyên,
 Dầu cho con thác cứu huyền cũng vui.
 Ai sanh đẻ, ai nuôi con lớn,
 Để mẹ già đau đớn xác thân.
 Bấy lâu vì nước vì dân,
 Mộ khang thần tĩnh muôn phần xót xa.
 Con đâu nỡ tiên tài danh dục,
 Con nào ham hùng cứ nhất phương.
 Khi mà Mẹ đã cùng đường,
 Bị phe đôi lập chủ trương sanh cầm.
 Con xét lại thân tâm phải trả,
 Con của đâu lả chả tơ lòng,
 Nhưng mà bướm nợ dầy công,
 Thành tâm giúp ích non sông đẹp mây.

Lời của Mẹ tỏ bày căn kẽ,
 Con khó bề hiểu nhẹ nặng trung.
 Dầu con tranh đấu đến cùng,
 Thế cô sức yếu giặc dung dặng nào.
 Khi kết cuộc đồng bào phê phán,
 Hiểu chẳng thông, chịu án bất trung.
 Miễn sao giữ tiếng anh hùng,
 Hiểu cùng với Mẹ chung cùng quốc vương.
 Nay con đã chọn đường cứu Mẹ,
 Nương án binh về phía Kiên Giang.
 Nạp mình chẳng phải đâu hàng,
 Cứu nguy từ mẫu, gian nan chẳng cần.
 Con quyết định một lần lấy chết,
 Không còn ham sống sót nữa chi.
 Sống mà thấy lũ gian phi,
 Sống xem non nước khuynh nguy đau lòng.
 Ôi! Vận nước suy vong nghiêng ngã,
 Các anh hùng thử lựa chọn vàng.
 Nhưng mà bị lũ Việt gian,
 Dầu cho thao lược khó toan quật cường.
 Thương Tổ quốc tai ương khó tránh,
 Máy huyền vi ẩn ánh nạn tai.
 Cả kêu ái quốc hỡi ai!
 Phất cờ cứu Mẹ anh tài Việt Nam.
 Thừa Mẹ!
 Thơ đến Mẹ con cam thọ tử,
 Chết anh hùng dặng giữ tiết danh.
 Là con trả nợ sanh thành,
 Mẹ hãnh diện mà nhìn con chết,
 Của đứa con đã hết liệt oanh,
 Thà là chết được thom danh,
 Gương nêu thanh sử hùng anh muôn đời.
 Con kính gởi mấy lời quyết định,
 Ấy là con vâng lệnh lương tâm.
 Nước nhà gặp buổi thăng trầm,
 Quốc vương thủy tổ ân thâm trả rồi.
 Giờ đến lúc đắp bồi sanh trưởng,
 Xin Mẹ già rộng lượng thứ tha.
 Trọn câu ân nước nợ nhà,
 Sống là Tướng Việt, thác ma Lạc Hồng.

Trả nợ non sông
 Son sắt một lòng!
 Mặc ai mưu đồ bán nước.
 NGUYỄN TRUNG TRỰC một lòng.trung kiên.



Nơi Nguyễn Trung Trục thọ án, nay là Bưu điện thành phố Rạch Giá.

Bài thơ thứ hai:

THO GỎI CHO QUÂN ĐỘI PHÁP

Làm trai đứng giữa cỏi trần,
 Sống làm Tướng Việt, thác Thần nước Nam.
 Nguyễn Trung Trục sống làm đất Việt,
 Tổ mấy điều khí tiết với Pháp quân.
 Ta đấu tranh cho Tổ quốc không ngừng,
 Khắp Nam Bắc ta danh lừng một cõi.
 Sức mãnh hổ khó đương cùng muôn sói,
 Nhưng nguyện thề không làm mọi ngoại bang.
 Có mong khuyến dụ ta đâu hàng,
 Ham chức tước, bạc vàng làm lợi khí.
 Sống ô nhục, thác vịnh hơn cao quý,
 Công chưa thành cũng toại chí anh hùng.
 Ngọn guơm thân liệt liệt, oanh oanh,
 Nơi Nhật Tảo tan tành đào hy vọng.

Ghét quân địch, anh hùng sôi máu nóng,
 Đã mấy phen làm tan mộng xâm lăng.
 Rất tiếc thay sóng dậy chôn đất bằng,
 Quân bán nước nõng ngăn đường cứu quốc,
 Giết quân địch thây phơi đầy đất,
 Quyết đền ơn tất đất với ngọn rau.
 Bọn địch quân nào kể đến đồng bào,
 Cùng Tổ quốc nên xen vào tiếp giặc.
 Nên ta chẳng để phòng quân phản tặc,
 Thất cơ binh về thủ mặt Kiên Giang.
 Xưa binh ta tinh nhuệ mấy chục ngàn,
 Bị gián điệp phải tan hàng rã ngũ.
 Nơi ven biển ta kiên lòng cố thủ,
 Chôn rìng sâu ta ẩn tất náo nung.
 Du kích quân hoạt động thường thường,
 Quân đội Pháp đã cùng phương tảo địch.
 Thành Kiên Giang khói mây mù mịt,
 Cảm tử quân giết địch trừ gian.
 Khắp mọi nơi giang cảnh nhuộm điêu tàn,
 Chẳng nản chí Kiên Giang thành chống nại.
 Tin Mẹ bị sanh cầm lòng tê tái,
 Ta không còn hăng hái được đấu tranh.
 Ôi! Giang san ta tạm gác để dành,
 Cho hậu tấn tiếp nơi gương oanh liệt.
 Ta muốn chết cho được đây khí tiết,
 Chẳng đâu hàng những lũ Việt gian nhân.
 Phận hiếu nhi nguyện cứu mạng mẫu tì,
 Đâu phải phục Tần kêu theo Sở chết.
 Ta tự nạp là trả xong mỗi nợ,
 Hiếu cùng trung cho rạng rỡ nam nhi.
 Giết hay tha ta chẳng xá chi,
 Miễn trọn đạo vẹn niềm cùng Tổ quốc.
 Nguyễn Trung Trực quản gì còn hay mất,
 Xin Pháp quân thành thật mấy lời van.
 Đám tàn binh nơi qui tụ mấy chục ngàn,
 Đừng sanh sát rất oan người lương thiện.
 Ta gây giặc chó họ nào hiếu chiến,
 Thôi ta làm thì nguyện nạp mình.
 Bởi vì ta họ mới quyết chí hy sinh,
 Tung xương máu đáp tình cùng non nước.

Yêu tổ quốc đổ dần lòng cho được,
 Chống ngoại xâm đồng trả trước sau.
 Nơi sa trường khắp chốn nhuộm máu đào,
 Chớ chẳng phải làm nao lòng quân xâm lược.
 Ta chí tánh không ham quyền trọng tước,
 Muốn đồng bào hưởng được chút đức ân.
 Sau khi ta từ già cõi dương trần,
 Được người Pháp xem dân như người bạn.
 Đừng dỏ thói mua thù chuốc oán,
 Chớ nghe lời bọn bán nước buôn dân.
 Đừng chuốc oán phải mền Tân mất Sở.
 Ta vì hiếu chớ phải vì mất họ,
 Còn sức thừa để trở hết tài trai.
 Tấc đời ta sao gặp lắm chông gai,
 Để kết thúc chuỗi ngày sau oán hận.
 Bức thư này khi Pháp quân tiếp nhận,
 Ba ngày sau ta đến tận trấn Kiên Giang.
 Đi nạp mình cho thân mẫu được bình an,
 Chớ chẳng phải đầu hàng, ham quyền tước.
 Xin Pháp quân cũng đừng nên nói ngược,
 Ta nhập thành thì thân mẫu được tự do.
 Đời liệt oanh ta gặp lúc quá gay go,
 Ta thành thật kêu gọi lời danh dự,
 Nơi Phú Quốc ta nhất phượng hùng cứ,
 Mấy tháng trời không chế ngự được ta.
 Bởi ngày nay căm cảnh nghĩa mẹ già,
 Nạp mạng sống, thiết tha không phục lụy.
 Chết được nêu danh anh hùng tiết khí,
 Sống đâu hàng để di xú vạn niên.
 Ai nỡ đành bán nước cho Tây phiên,
 Làm tủi hận bậc tiên nhân quá cố.
 Ai cố tâm bán quê hương đất tổ,
 Rước voi về đầy mã tổ ông cha.
 Ôi! Thấy non sông lòng quá thiết tha,
 Hận mấy kẻ gian tà toan bán nước.
 Nước Việt Nam ôi! thật là vô phước,
 Sanh chi loài bán nước tham quan!
 Làm cho ta nhiệm vụ lỗ làng,
 Mộng cứu quốc đành vỡ tan trong mây khói.
 Hỡi Tây phiên lang sói,

Mở mắt lớn mà coi.
 Trung Trục thà chịu chết,
 Chớ chẳng chịu tôi đòi.

NGUYỄN TRUNG TRỰC



Chiếu Tà Niên do dân làm ra, để tỏ lòng tôn kính ông Nguyễn.

Trước khi viết bài này, chúng tôi đã tìm kiếm trên Internet qua Google nhưng không thấy 2 bài thơ này của Đức Nguyễn Trung Trục nên không rõ xuất xứ. Vì đây là tài liệu lịch sử rất quý báu nên chúng tôi quyết định giới thiệu đến quý độc giả để biết đến tâm tư của vị anh hùng dân tộc qua hai bài thơ nói trên.

Thung lũng Avondale, 05-08-2022
VĨNH LIÊM